

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày	11,900 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.3%	-3.3%	-

2024			
DT thuần	6.53	YoY	▼ 6.27
	tỷ VNĐ		▼ 48.9%

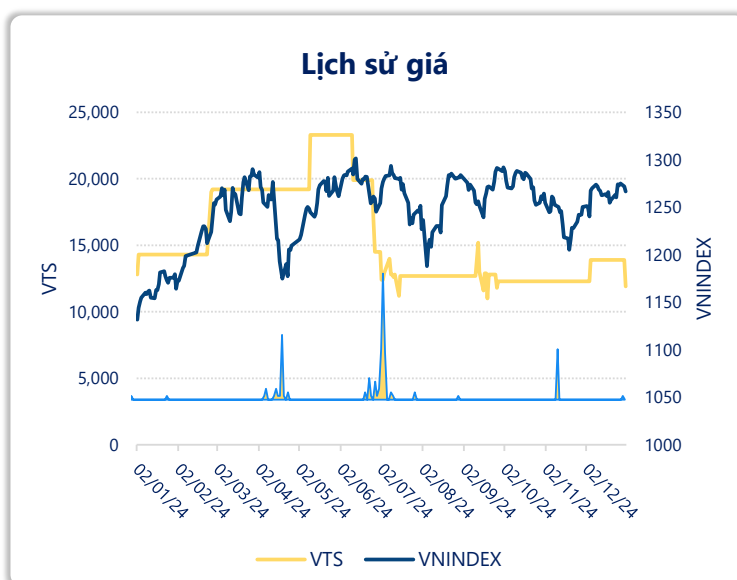
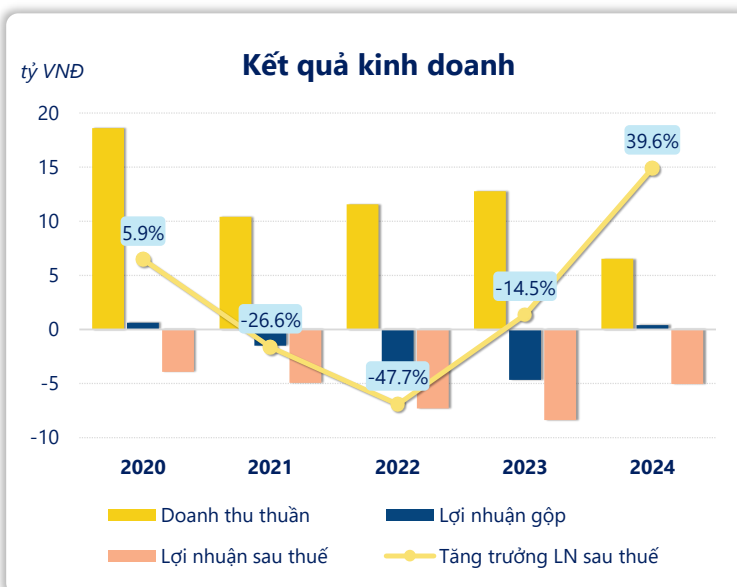
2024			
LN góp	0.40	YoY	▲ 5.06
	tỷ VNĐ		▲ 109%

2024			
LN thuần	-4.16	YoY	▲ 3.86
	tỷ VNĐ		▲ 48.1%

2024			
LN sau thuế	-5.05	YoY	▲ 3.31
	tỷ VNĐ		▲ 39.6%

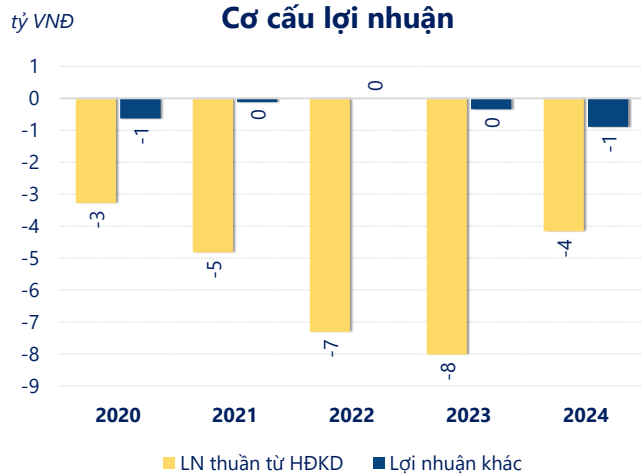
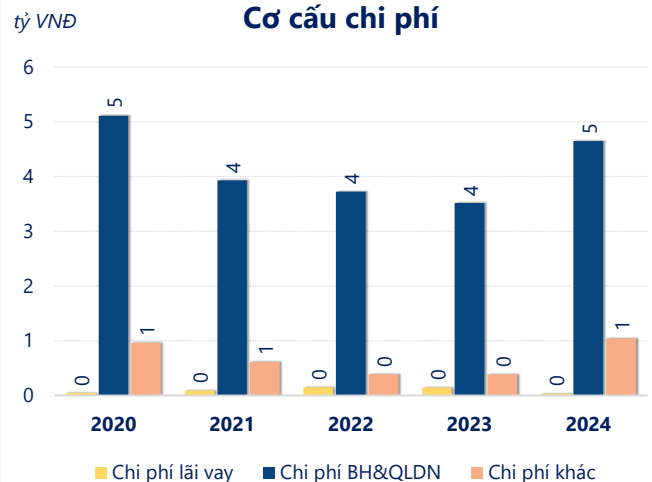
2024			
ROE	-35.8%	+/- YoY	▲ 4.4%

2024			
ROA	-25.8%	+/- YoY	▲ 4.4%



Kết quả kinh doanh **VTS** năm **2024**, doanh thu thuần **giảm mạnh 48.9%** chỉ còn **6.53** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 39.6%** đạt **-5.05** tỷ đồng.

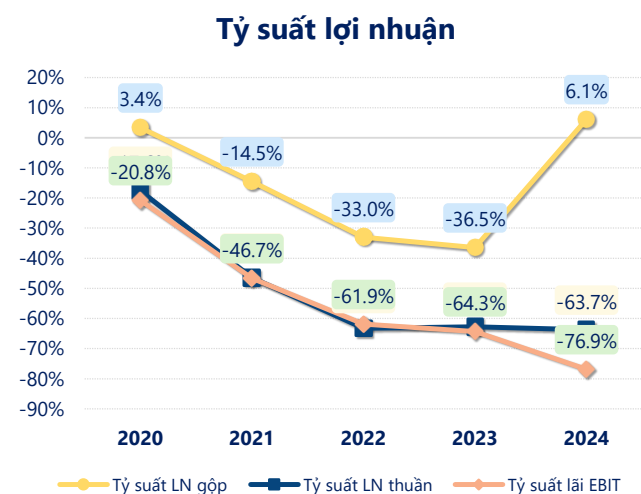
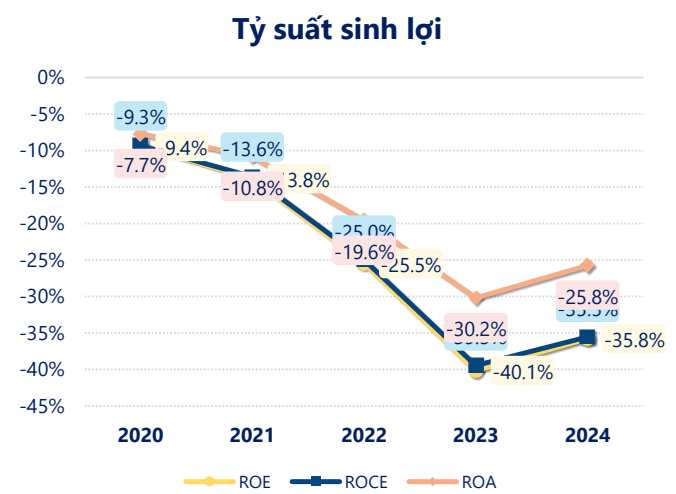
Sự sụt giảm về doanh thu cùng với lợi nhuận âm, dẫn đến **ROE** bằng -35.8% là dấu hiệu cảnh báo của tình hình kinh doanh đang xấu đi.



Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của VTS năm 2024 **tăng lên 3.86** tỷ so với năm trước, nhưng vẫn lỗ 4.16 tỷ đồng. Khoản lỗ lớn nhất từ hoạt động kinh doanh trong 5 năm trở lại đây ghi nhận vào năm **2023** là 8.02 tỷ đồng. Cho thấy dấu hiệu tiêu cực trong hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm gần đây.

Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **0.03** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên**, ở mức **4.64** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác bằng 1.04** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của VTS năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **-35.8%**, tuy nhiên vẫn **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.



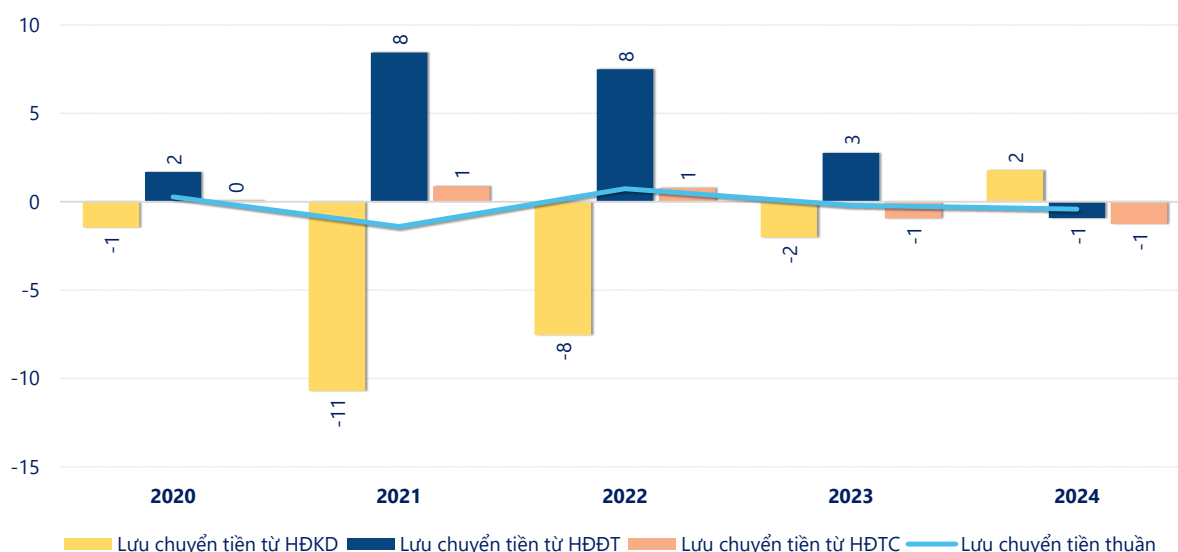
KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	18.6	10.4	11.6	12.8	6.53
Giá vốn hàng bán	18.0	11.9	15.4	17.4	6.13
Lợi nhuận gộp	0.63	-1.51	-3.82	-4.66	0.40
Doanh thu HĐTC	1.25	0.70	0.38	0.30	0.12
Chi phí TC	0.05	0.09	0.15	0.14	0.03
Chi phí lãi vay	0.05	0.09	0.15	0.14	0.03
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.86	0.70	0.91	0.66	1.27
Chi phí QLDN	4.24	3.23	2.81	2.86	3.38
LN thuần từ HĐKD	-3.28	-4.83	-7.31	-8.02	-4.16
Lợi nhuận khác	-0.63	-0.12	0.00	-0.34	-0.89
LN trước thuế	-3.91	-4.94	-7.30	-8.36	-5.05
Lợi nhuận sau thuế	-3.91	-4.94	-7.30	-8.36	-5.05
LNST của CĐ cty mẹ	-3.91	-4.94	-7.30	-8.36	-5.05

tỷ VNĐ

Lưu chuyển tiền



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của VTS bằng **-0.41** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (-0.19 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **1.78** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-0.93** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-1.27** tỷ đồng.